

BẢNG KHẢO SÁT DOANH NGHIỆP NGÀNH CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

1. Tên doanh nghiệp: _____
2. Địa chỉ: _____
3. Tỉnh/Thành phố: (đưa danh sách tỉnh/thành để chọn) _____

Điện thoại: _____

Email: _____

Website: _____

4. Năm thành lập: _____

5. Loại hình doanh nghiệp (✓ chọn một):

- ☐ Doanh nghiệp tư nhân
- ☐ Công ty TNHH
- ☐ Công ty cổ phần
- ☐ Công ty có vốn đầu tư nước ngoài (FDI)
- ☐ Khác (ghi rõ): _____

6. Quy mô doanh nghiệp (số lao động):

- ☐ không quá 10 người
- ☐ 11-100 người
- ☐ 101-200 người
- ☐ Trên 200 người

7. Doanh thu năm 2024 (ước tính):

- ☐ không quá 3 tỷ đồng
- ☐ hơn 3 tỷ - 50 tỷ đồng
- ☐ hơn 50 tỷ - 200 tỷ đồng
- ☐ hơn 200 tỷ đồng

II. THỰC TRẠNG SẢN XUẤT KINH DOANH

8. Sản phẩm/dịch vụ chính cung cấp trong chuỗi giá trị (có thể chọn nhiều):

Ngành điện tử

- Linh kiện điện tử - quang điện tử cơ bản: Transistor, mạch tích hợp, cảm biến, điện trở, tụ, điốt, ăngten, thyristor;
- Linh kiện thạch anh;
- Vi mạch điện tử;

- Vật liệu sản xuất linh kiện điện tử: Chất bán dẫn, vật liệu từ cứng, vật liệu từ mềm, chất cách điện tích cực;
- Linh kiện sản phẩm điện tử: Linh kiện nhựa, linh kiện cao su, chi tiết cơ - điện tử, linh kiện kính;
- Pin dùng cho máy vi tính xách tay, điện thoại di động;
- Dây và cáp điện, đèn led, tai nghe điện thoại và loa;
- Sạc pin điện thoại;
- Màn hình các loại.

Ngành sản xuất lắp ráp ô tô

- Động cơ và chi tiết động cơ: Thân máy, piston, trục khuỷu, thanh truyền, bánh răng, cụm ống xả, xi lanh, cụm đầu xi lanh, trục cam, xéc-măng, van động cơ;
- Hệ thống bôi trơn: Bộ lọc dầu, bộ làm mát, bộ tản nhiệt, bơm dầu, các loại van;
- Hệ thống làm mát: Bộ tản nhiệt, két nước, quạt gió, van hằng nhiệt, bơm nước;
- Hệ thống cung cấp nhiên liệu: Thùng nhiên liệu, bộ lọc nhiên liệu, bộ lọc không khí, ống dẫn bơm nhiên liệu, bộ chế hòa khí, hệ thống phun nhiên liệu;
- Khung - thân vỏ - cửa xe: Các chi tiết dạng tấm đột dập, sắt xi, thùng xe tải, bậc lên xuống, cụm cửa xe;
- Hệ thống treo: Nhíp, lò xo đàn hồi, bộ giảm chấn;
- Bánh xe: Lốp xe, vành bánh xe bằng hợp kim nhôm;
- Hệ thống truyền lực: Ly hợp, hộp số, cầu xe, trục các đăng;
- Hệ thống lái;
- Hệ thống phanh;
- Nguồn điện ô tô:Ắc quy, máy phát điện;
- Thiết bị đánh lửa ô tô: Bugi, cao áp, biến áp;
- Role khởi động, động cơ điện khởi động của ô tô;
- Dây điện, đầu nối, cầu chì, các loại cảm biến, thiết bị tự động điều khiển, bộ xử lý của ô tô.
- Hệ thống chiếu sáng và tín hiệu: Đèn, còi, đồng hồ đo các loại;
- Hệ thống xử lý khí thải ô tô;
- Linh kiện nhựa cho ô tô;
- Linh kiện cao su, vật liệu giảm chấn;
- Kính chắn gió, cần gạt nước, ghế xe.

Ngành cơ khí chế tạo

- Khuôn mẫu, đồ gá: Khuôn dập, khuôn đúc, đồ gá gia công, đồ gá kiểm tra;
- Dụng cụ - dao cắt: Dao tiện, dao phay, mũi khoan;
- Linh kiện và phụ tùng máy gia công cơ khí, máy hàn;
- Linh kiện và phụ tùng máy động lực, máy nông nghiệp, đóng tàu;
- Linh kiện và phụ tùng máy, thiết bị chế biến nông lâm thủy sản và muối;
- Dụng cụ đo lường, kiểm tra dùng trong cơ khí: Thước đo, máy đo 3 chiều, máy phân tích thành phần kim loại, máy siêu âm mối hàn;

- Chi tiết máy: Bu lông cường độ cao, ốc vít cường độ cao, ổ bi, bạc lót, bánh răng, van, khớp các loại, vỏ máy, chi tiết đột dập, hộp biến tốc, xi lanh thủy lực;
- Thép chế tạo

Các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho công nghiệp công nghệ cao

- Các loại khuôn mẫu: Khuôn mẫu có độ chính xác cao, khuôn đúc nhựa có độ chính xác cao;
- Các loại chi tiết cơ khí tiêu chuẩn chất lượng cao: Các loại đai ốc, bu lông, ốc vít có độ chính xác cao dùng cho các thiết bị điện tử, cơ điện tử, điện tử y tế, rô bốt công nghiệp;
- Các loại linh kiện điện tử, mạch vi điện tử để phát triển các thiết bị: Thiết bị ngoại vi, máy vi tính, đồ điện tử gia dụng, thiết bị nghe nhìn, pin mặt trời; các loại chip vi xử lý; các bộ điều khiển (Bộ điều khiển khả trình PLC, bộ điều khiển CNC, ...);
- Các cụm linh kiện, phụ tùng cho hệ thống thiết bị sản xuất điện năng từ năng lượng mới và năng lượng tái tạo;
- Các loại chi tiết nhựa chất lượng cao: Các bộ truyền động chính xác, các chi tiết có độ bền và tuổi thọ cao, chịu nhiệt và chịu mài mòn bằng nhựa;
- Cảm biến các loại: Cảm biến khí, cảm biến gia tốc, cảm biến biến cường độ biên các loại: học, cảm biến nhiệt độ, cảm biến độ ẩm, cảm biến ánh sáng, cảm biến áp suất....;
- Các loại động cơ thể hệ mới: Động cơ điện, động cơ ổ từ, động cơ servo (động cơ bước), động cơ từ kháng, động cơ tuyến tính;
- Các cơ cấu chấp hành có độ chính xác cao
- Khác (ghi rõ)

9. Tình hình tăng trưởng trong 2 năm gần đây nhất, doanh thu năm 2024 so với năm 2023 (tích chọn vào ô thích hợp)

Chỉ tiêu/Mức độ	Giảm hơn 20%	Giảm 10%-20%	Giảm dưới 10%	Giữ nguyên	Tăng dưới 10%	Tăng 10-20%	Tăng trên 20%
Doanh thu							
Lợi nhuận							
Số lao động							
Vốn đầu tư							
Số lượng khách hàng							

Số lượng đơn hàng							
--------------------------	--	--	--	--	--	--	--

10. Doanh nghiệp có tham gia sản xuất hàng xuất khẩu không?

- ☐ Có ☐ Không ☐ Gián tiếp qua chuỗi cung ứng nội địa

11. Khả năng tham gia chuỗi cung ứng:

- Tỷ lệ doanh thu từ các doanh nghiệp trong nước: _____%

12. Tỷ lệ doanh thu từ các đơn hàng của công ty FDI hoặc xuất khẩu:

_____ % Trong tổng giá trị sản phẩm xuất khẩu, doanh nghiệp ước tính tỷ lệ sử dụng nguyên vật liệu, linh kiện có nguồn gốc nội địa (Việt Nam sản xuất) là bao nhiêu?

- ☐ Dưới 10% ☐ 10–30% ☐ 30–50% ☐ Trên 50% ☐ Không rõ

13. Hoạt động nào sau đây đóng góp lớn nhất vào giá trị gia tăng nội địa (DVA) trong sản phẩm xuất khẩu của doanh nghiệp bạn? (Chọn tối đa 2)

- ☐ Sản xuất, lắp ráp trực tiếp
☐ Sử dụng nguyên liệu, linh kiện trong nước
☐ Tái chế, xử lý sản phẩm trung gian tái nhập
☐ Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật, vận tải, logistics nội địa
☐ Khác: _____

14. Doanh nghiệp có sử dụng sản phẩm/dịch vụ hỗ trợ từ các doanh nghiệp đầu chuỗi trong nước như sau không? (Chọn tất cả những gì phù hợp)

- ☐ Linh kiện cơ khí chính xác
☐ Nhựa kỹ thuật
☐ Vật liệu điện tử
☐ Vật liệu nền đặc chủng
☐ Khuôn mẫu chính xác
☐ Dịch vụ xử lý bề mặt
☐ Bao bì kỹ thuật
☐ Dịch vụ thiết kế kỹ thuật
☐ Dịch vụ kỹ thuật hỗ trợ: Khuôn mẫu, bảo trì máy móc, kiểm định kỹ thuật
☐ Ghế xe/Kính xe
☐ Dịch vụ logistics công nghiệp
☐ Sản phẩm/ Dịch vụ khác (đề nghị ghi rõ)
☐ Không sử dụng dịch vụ nội địa

☐ Khác (đề nghị ghi rõ)

15. ➔ Nếu trả lời câu 14 là có thì vui lòng cho biết: Ước tính tỷ trọng các yếu tố này trong giá trị sản phẩm (%): _____%

16. Doanh nghiệp có sử dụng sản phẩm trung gian (intermediate goods) đã được sản xuất ở Việt Nam, xuất khẩu đi nơi khác, rồi tái nhập khẩu để hoàn thiện sản phẩm không?

☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ

17. ➔ Nếu câu 16 trả lời có thì vui lòng cho biết: Lý do chính là gì?

- ☐ Quy trình gia công quốc tế
☐ Chi phí thấp hơn
☐ Thiếu năng lực chế tạo trong nước
☐ Khác: _____

18. Những rào cản lớn nhất hiện nay khiến giá trị gia tăng nội địa trong sản phẩm của bạn còn thấp là gì? (Chọn tối đa 3)

- ☐ Nguyên liệu, linh kiện trong nước chưa đáp ứng tiêu chuẩn
☐ Thiếu nhà cung cấp nội địa đáng tin cậy
☐ Giá linh kiện trong nước cao hơn hàng nhập khẩu
☐ Thiếu chính sách hỗ trợ sản xuất đầu chuỗi
☐ Không có ưu đãi cho doanh nghiệp tăng nội địa hóa
☐ Khác: _____

19. Doanh nghiệp bạn có kế hoạch tăng tỷ lệ nội địa hóa trong 3 năm tới không?

☐ Có ☐ Không ☐ Đang xem xét

20. ➔ Nếu câu 19 trả lời có thì hãy cho biết: Mục tiêu tăng bao nhiêu % trong 3 năm? _____

21. Doanh nghiệp đang là nhà cung cấp cấp mấy trong chuỗi?

Tier 1 – Cấp 1 (trực tiếp cho thương hiệu)

Tier 2 – Cấp 2 (cung ứng cho nhà sản xuất lớn)

Tier 3 – Cấp 3 trở xuống

Không rõ

22. Tần suất đơn hàng định kỳ từ khách hàng lớn của doanh nghiệp?

Mỗi tuần

Mỗi tháng

Theo mùa vụ

Không có đơn hàng theo định kì

23. Khả năng đáp ứng yêu cầu của đối tác khi doanh nghiệp tham gia trong chuỗi giá trị toàn cầu

Yêu cầu/Khả năng đáp ứng của DN	Rất khó khăn	Khó khăn	Bình thường	Dễ dàng	Rất dễ dàng
Yêu cầu tuân thủ các quy định về trách nhiệm xã hội					
Yêu cầu tuân thủ về các quy định lao động, việc làm, quyền con người					
Yêu cầu tuân thủ các quy định về an toàn vệ sinh môi trường					
Yêu cầu thời gian giao hàng					
Yêu cầu khối lượng đơn hàng					
Yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật					
Yêu cầu về giá cạnh tranh					

24. Doanh nghiệp đang sở hữu mức độ tự động hóa nào trong sản xuất?

Thủ công hoàn toàn

Tự động hóa 10% - 30%

Tự động hóa 30 % - 50%

Tự động hóa 50% - 80%

Tự động hóa 80% trở lên

25. Vui lòng liệt kê các chứng chỉ/chứng nhận/giải thưởng doanh nghiệp đang có:

III. THÔNG TIN TÀI CHÍNH

26. Doanh nghiệp có đang gặp khó khăn trong việc tiếp cận các nguồn vốn không?

- ☐ Không
- ☐ Có – Chọn loại nguồn vốn phù hợp dưới đây:
 - ☐ Ngắn hạn
 - ☐ Trung dài hạn

27. Nguồn vốn chủ yếu hiện nay của doanh nghiệp đến từ đâu? (Chọn tối đa 2)

- ☐ Vốn tự có
- ☐ Thuê tài chính
- ☐ Vay ngân hàng thương mại
- ☐ Vay ưu đãi từ nhà nước
- ☐ Vốn góp từ đối tác/cổ đông
- ☐ Hỗ trợ tài chính từ các tổ chức quốc tế
- ☐ Khác (ghi rõ): _____

28. Doanh nghiệp đã từng tiếp cận các nguồn vốn nào dưới đây trong 2 năm qua? (Chọn tối đa 3)

- ☐ Vốn vay ưu đãi (ví dụ: Quỹ phát triển DN nhỏ và vừa, Quỹ đổi mới công nghệ, v.v.)
- ☐ Hỗ trợ tài chính từ chương trình nhà nước (chuyển đổi số, xanh hóa, v.v.)
- ☐ Vốn vay thương mại
- ☐ Thuê tài chính
- ☐ Không tiếp cận được nguồn vốn nào
- ☐ Khác: _____

29. Những khó khăn chính khi doanh nghiệp tiếp cận vốn vay/hỗ trợ tài chính? (Chọn tối đa 2)

- ☐ Không đáp ứng được điều kiện (tài sản thế chấp, hồ sơ pháp lý, v.v.)
- ☐ Không nắm được thông tin về chương trình hỗ trợ
- ☐ Thủ tục rườm rà, phức tạp
- ☐ Mức lãi suất/tài trợ không đủ hấp dẫn
- ☐ Thời gian xét duyệt kéo dài
- ☐ Không phù hợp với đặc thù doanh nghiệp CNHT
- ☐ Khác: _____

30. Doanh nghiệp có nhu cầu tiếp cận các hình thức tài chính nào trong thời gian tới? (Chọn tối đa 3)

- ☐ Vay vốn lãi suất ưu đãi
- ☐ Thuê tài chính
- ☐ Hỗ trợ bảo lãnh tín dụng
- ☐ Góp vốn/quỹ đầu tư phát triển
- ☐ Hỗ trợ tài chính để chuyển đổi số/chuyển đổi xanh
- ☐ Hỗ trợ chi phí chứng nhận tiêu chuẩn quốc tế
- ☐ Khác: _____

31. Doanh nghiệp đã từng biết đến hoặc sử dụng dịch vụ thuê tài chính chưa?

- ☐ Chưa biết đến, chưa sử dụng dịch vụ
- ☐ Đã biết đến, chưa sử dụng dịch vụ
- ☐ Đã sử dụng dịch vụ

32. Doanh nghiệp có kế hoạch nâng cấp hoặc đầu tư mới vào máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải,... trong 1 năm tới không?

- ☐ Chưa có kế hoạch đầu tư
- ☐ Có kế hoạch đầu tư – Mức đầu tư dự kiến:
 - ☐ Dưới 5 tỷ VND
 - ☐ Từ 5 tỷ - 10 tỷ VND
 - ☐ Trên 10 tỷ VND

33. Khi đầu tư máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải,... doanh nghiệp ưu tiên sử dụng nguồn vốn nào?

- ☐ Vay ngân hàng
- ☐ Thuê tài chính
- ☐ Vốn tự có

☐ Nguồn vốn khác (ghi rõ):....

34. Những yếu tố nào doanh nghiệp xem xét khi quyết định nguồn vốn cho đầu tư máy móc thiết bị?

- ☐ Lãi suất
- ☐ Tỷ lệ tài trợ
- ☐ Thời gian thuê
- ☐ Yếu tố khác (ghi rõ):....

35. Lãi suất của các khoản vay trung và dài hạn / thuê tài chính mà doanh nghiệp hiện đang sử dụng là bao nhiêu?

- ☐ Dưới 8%/năm
- ☐ Từ 8-10%/năm
- ☐ Trên 10%/năm

IV. CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ HIỆN HÀNH

36. Doanh nghiệp đã từng tiếp cận hoặc hưởng lợi từ chính sách hỗ trợ nào sau đây?

- Hỗ trợ tín dụng/lãi suất ưu đãi
- Hỗ trợ đổi mới công nghệ
- Hỗ trợ tiếp cận mặt bằng sản xuất
- Hỗ trợ đào tạo nhân lực
- Hỗ trợ xúc tiến thương mại
- Hỗ trợ chuyển đổi số
- Hỗ trợ chuyển đổi xanh
- Hỗ trợ chứng nhận chất lượng, tiêu chuẩn
- Chưa từng tiếp cận
- Khác (ghi rõ)

37. Đánh giá mức độ hiệu quả của các chính sách đã tiếp cận:

(1: Không hiệu quả, 5: Rất hiệu quả)

- Hỗ trợ tín dụng/lãi suất ưu đãi 1 – 2 – 3 – 4 – 5
- Hỗ trợ đổi mới công nghệ 1 – 2 – 3 – 4 – 5
- Hỗ trợ tiếp cận mặt bằng sản xuất 1 – 2 – 3 – 4 – 5
- Hỗ trợ đào tạo nhân lực 1 – 2 – 3 – 4 – 5
- Hỗ trợ xúc tiến thương mại 1 – 2 – 3 – 4 – 5
- Hỗ trợ chuyển đổi số 1 – 2 – 3 – 4 – 5
- Hỗ trợ chuyển đổi xanh 1 – 2 – 3 – 4 – 5
- Hỗ trợ chứng nhận chất lượng, tiêu chuẩn 1 – 2 – 3 – 4 – 5

38. Khó khăn khi tiếp cận chính sách hỗ trợ (nếu có):

- ☐ Thiếu thông tin
- ☐ Thủ tục phức tạp
- ☐ Điều kiện không phù hợp với DN
- ☐ Thiếu hướng dẫn cụ thể
- ☐ Khác: _____

39. Đề xuất của doanh nghiệp để cải thiện chính sách hiện hành.

V. NHU CẦU VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

40. Doanh nghiệp có kế hoạch tăng tỷ lệ nội địa hóa trong 3 năm tới không?

- ☐ Có ☐ Không ☐ Đang xem xét

→ Nếu có: Mục tiêu tăng bao nhiêu % trong 3 năm? _____

41. Định hướng phát triển 3–5 năm tới của đơn vị:

- Mở rộng quy mô sản xuất
- Đổi mới công nghệ
- Tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu
- Chuyển đổi số
- Chuyển đổi xanh
- Tăng tỉ lệ nội địa hóa
- Giữ nguyên như hiện nay
- Thu hẹp quy mô kinh doanh
- Mở sang lĩnh vực kinh doanh mới
- Chưa có kế hoạch gì
- Khác (ghi rõ)

42. Nhu cầu cấp thiết nhất hiện nay của doanh nghiệp là gì? (Chọn tối đa 3)

- Vốn đầu tư
- Công nghệ/Thiết bị
- Lao động kỹ thuật
- Kết nối thị trường/đối tác
- Hỗ trợ pháp lý
- Nâng cao năng lực quản trị
- Chuyển đổi số
- Chuyển đổi xanh và phát triển bền vững
- Khác (ghi rõ)

43. Doanh nghiệp có nhu cầu tham gia vào các chương trình nào sau đây? (✓ nhiều lựa chọn)

- Chương trình bình chọn nhà cung ứng xuất sắc Việt Nam năm 2025 do Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) tổ chức nhằm vinh danh những nhà cung ứng xuất sắc trong lĩnh vực dệt may, da giày, cơ khí chế tạo, điện tử - tin học,, công nghiệp thực phẩm.
- Chương trình nâng cao năng lực quản trị
- Hỗ trợ kết nối với nhà cung cấp nội địa
- Hỗ trợ R&D và chuyển giao công nghệ
- Đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật
- Đào tạo kỹ năng cho lao động
- Hỗ trợ tài chính đầu tư sản xuất linh kiện
- Chuyển đổi số
- Liên kết chuỗi với doanh nghiệp lớn
- Khác (ghi rõ)

KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT
